

NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG TIẾP CẬN GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI CỦA TRẺ EM NGƯỜI HÔNG Ở HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

PGS. TS. Nguyễn Trường Giang
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: truonggiang@vnu.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích một số trở ngại mà trẻ em người Hmông ở xã Co Tông, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đang phải đối diện. Những khó khăn này đến từ nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống của trẻ, từ y tế, giáo dục, đến bảo trợ xã hội. Bài viết cũng nêu ra các nguyên nhân dẫn đến việc trẻ em người Hmông phải đối mặt với những khó khăn đó, đồng thời đề xuất một số can thiệp nhằm giải quyết các khó khăn đối với trẻ em ở địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: Trẻ em, người Hmông, y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội.

Abstract: The article focuses on analysing several obstacles faced by Hmong children in Co Tong Commune, Thuan Chau District, Son La Province. These difficulties arise from various aspects of the children's lives, including healthcare, education, and social welfare. The article also identifies the reasons behind these challenges and proposes some interventions to address the difficulties encountered by children in the study area.

Keywords: Children, Hmong people, healthcare, education, social welfare.

Ngày nhận bài: 1/3/2025; ngày gửi phản biện: 9/3/2025; ngày duyệt đăng: 25/3/2025.

Mở đầu

Trong vài thập kỷ trở lại đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác chăm sóc y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội đối với trẻ em, nhằm hướng tới sự phát triển toàn diện và đảm bảo quyền Công ước quốc tế về quyền của trẻ em đã ban hành từ năm 1989. Tuy nhiên, trẻ em một số dân tộc thiểu số (DTTS) của Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều trở ngại, trong đó trẻ em người Hmông là rất điển hình. Những khó khăn này chủ yếu mang tính khách quan, nằm ngoài khả năng của cộng đồng, rất cần sự hỗ trợ từ phía Nhà nước.

Bài viết này dựa trên kết quả nghiên cứu định tính với phương pháp phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và tiếp cận số liệu thống kê trong năm 2023 của xã Co Tông, một xã đặc biệt khó khăn của huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn

sâu 20 cuộc với các lãnh đạo nhà trường tiểu học và trung học cơ sở (THCS), giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh học sinh, học sinh lớp 5 và lớp 9, hội trưởng hội Phụ nữ xã, cán bộ hội Phụ nữ xã, trạm trưởng Trạm y tế xã, cán bộ Trạm y tế xã; tiến hành 4 cuộc thảo luận nhóm với lãnh đạo và giáo viên trường tiểu học và THCS, học sinh khối 5 và học sinh khối 9; thu thập các thông tin về y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội tại địa bàn xã. Trên cơ sở các số liệu thu thập được, bài viết sẽ phân tích một số trở ngại và thách thức của nhóm trẻ em Hmông trên 3 phương diện: y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội.

1. Giới thiệu về điểm nghiên cứu

Thuận Châu là huyện vùng cao nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Sơn La, có diện tích tự nhiên là 155.002ha. Toàn huyện có 28 xã và 01 thị trấn, trong đó có: 23 xã khu vực III, 02 xã khu vực II, 03 xã và thị trấn Thuận Châu thuộc khu vực I. Dân số toàn huyện hơn 178.000 người gồm 06 dân tộc, trong đó dân tộc Thái chiếm khoảng 76,26%, dân tộc Hmông 11,79%, dân tộc Kinh chiếm khoảng 6,2%, dân tộc La Ha 1,7%, dân tộc Khơ-mú 1,38%, dân tộc khác chiếm khoảng 0,11% (UBND huyện Thuận Châu, 2023).

Co Tòng là xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn của huyện Thuận Châu. Theo số liệu của Ủy ban nhân dân xã Co Tòng (2023), tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã là 2.908ha, trong đó: đất sản xuất nông nghiệp là 1.378,64ha, đất lâm nghiệp 687,17ha, đất ở 14,30ha. Xã có 626 hộ và 3.195 nhân khẩu với 100% là người Hmông, trừ một số ít cán bộ xã và giáo viên dạy ở các trường trong xã. Xã có 8 thôn là Co Nhừ, Pá Hóc, Co Cài, Pá Cháo A, Thẳm Xét, Pá Cháo B, Co Tòng, Há Khúa. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 của xã là 75,40%. Hoạt động kinh tế của xã chủ yếu dựa vào việc trồng lúa nương, chăn nuôi gia súc và gia cầm. Một số hộ gia đình có thành viên đi làm ăn xa ở các khu công nghiệp, khu chế xuất ở các thành phố lớn ở miền Bắc.

Về công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân, Trạm y tế xã có 5 giường khám, chữa bệnh, điều trị cho nhân dân. Tổng số lượt khám, chữa bệnh trong 10 tháng đầu năm 2023 là: 873 lượt. Bên cạnh đó, Trạm y tế xã cũng định kỳ phối hợp với cán bộ y tế thôn bản nhằm tổ chức khám các bệnh truyền nhiễm, đái tháo đường, cao huyết áp và ung thư cổ tử cung; tuyên truyền, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe, bà mẹ mang thai, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường cho người dân trên địa bàn xã.

Về thực hiện các chính sách an sinh xã hội, tổng số hộ của xã Co Tòng được phê duyệt theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Giai đoạn 1, từ năm 2021-2025) là 10 hộ, được phê duyệt hỗ trợ với tổng số vốn là 440 triệu đồng; đến ngày 22/9/2023 đã thực hiện giải ngân 10/10 hộ theo Quyết định phê duyệt (UBND xã Co Tòng, 2023).

Trên địa bàn xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường THCS. Theo thống kê năm học 2022-2023, tổng số học sinh cả 3 trường có 29 lớp gồm 899 học sinh, trong

đó tiểu học và THCS có 19 lớp với tổng số 617 học sinh. Trường Mầm non có 10 lớp với tổng số 282 cháu. Tỷ lệ trẻ em nam trong độ tuổi học Tiểu học là 53,1%, tỷ lệ trẻ em nữ là 46,9%. Tỷ lệ này ở độ tuổi học THCS lần lượt là 52,1% và 47,9%.

Về tình hình y tế, 8/8 bản đều có cộng tác viên dân số kế hoạch hóa gia đình và cộng tác viên y tế thôn bản. Đội ngũ này đã thường xuyên nâng cao công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, hạn chế sinh con thứ ba, thứ tư, không tảo hôn, thực hiện tốt Luật Hôn nhân và Gia đình. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm 0,70%, tỷ lệ tảo hôn giảm 30%, số trẻ sinh trong năm 2022 là 113 cháu. Tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai là 209 người. Trong đó nữ 15 đến 49 tuổi có chồng 583 người, đặt vòng 35,6%. Tổng số cặp vợ chồng kết hôn trong năm: 08 cặp, số tảo hôn 02 cặp chiếm tỷ lệ 25%, tỷ suất chết thô trong năm là 10 người chiếm 3,23%, tỷ lệ sinh thô năm là 25 trẻ chiếm 8,09%. Tổng số trẻ dưới 5 tuổi là 337, trẻ em mồ côi có 8 cháu (UBND xã Co Tòng, 2023).

2. Thách thức trong y tế, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em

Trong lĩnh vực y tế, theo số liệu của Trạm Y tế xã Co Tòng, tỷ lệ suy dinh dưỡng theo cân nặng/tuổi của trẻ em dưới 5 tuổi trong năm 2022 là 87%; theo chiều cao/tuổi là 53%. Số liệu này cao hơn rất nhiều so với bình quân của toàn tỉnh Sơn La (17,4% và 28,6%). Theo cán bộ y tế xã Co Tòng, điều kiện dinh dưỡng đầy đủ cho trẻ em ở cấp tiểu học có vai trò quan trọng cho sự phát triển thể chất toàn diện ở những giai đoạn sau. Tuy nhiên, nhóm trẻ em này lại không được đảm bảo về chất lượng dinh dưỡng và đây là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ suy dinh dưỡng cao ở nhóm trẻ em trong xã. Nhận định này được minh chứng bằng quan sát thực địa với bữa ăn hàng ngày của học sinh nội trú tại Trường Tiểu học Co Tòng và sự thừa nhận của giáo viên tại đây về điều kiện sinh hoạt của các em.

Tại xã Co Tòng, tình trạng phụ nữ người Hmông sinh con tại nhà còn khá phổ biến. Theo kết quả phỏng vấn cán bộ y tế xã, nơi sinh con cũng là chỉ báo về việc đảm bảo an toàn và sức khỏe của trẻ. Trong năm 2023, trong số các trường hợp sinh con trên địa bàn xã đã có 86,4% phụ nữ DTTS sinh con tại các cơ sở y tế, 3,9% phụ nữ DTTS sinh tại nhà có cô đỡ thôn bản, vẫn còn 9,5% sinh con tại nhà không có cán bộ chuyên môn hỗ trợ, 0,2% sinh con tại nơi khác. Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu với người dân cho thấy có hai nguyên nhân chính dẫn đến việc vẫn có gần 15% phụ nữ không lựa chọn nơi sinh là trạm y tế. *Thứ nhất*, Trạm y tế tại xã Co Tòng mặc dù được xây dựng kiên cố nhưng do thiếu nước trong suốt 4 tháng mùa khô, việc sát khuẩn, vệ sinh ở trạm gặp nhiều khó khăn. Thêm vào đó, đa số cán bộ y tế là nam, không phải người dân tộc tại chỗ nên khó giao tiếp, khám chữa bệnh cho người Hmông, nhất là với nhóm phụ nữ, bé gái do rào cản ngôn ngữ cũng như tâm lý tộc người. Kết quả phỏng vấn cho thấy người phụ nữ Hmông rất e ngại việc nam giới khám bệnh cho mình. Đây là nguyên nhân quan trọng khiến một bộ phận phụ nữ Hmông ít khi đến Trạm y tế xã sinh con hay khám bệnh. *Thứ hai*, khoảng

cách địa lý xa và điều kiện đi lại khó khăn cũng khiến nhiều người dân lựa chọn sinh tại nhà bởi việc di chuyển bằng xe máy là lựa chọn duy nhất nhưng không an toàn cho thai phụ trước và sau khi sinh (World Bank, 2019). Đây cũng là lý do được đưa ra ở Co Tòng, nơi khoảng cách từ thôn đến trung tâm y tế xã trung bình khoảng 7 - 8km, xa nhất là 12km.

Kết quả phỏng vấn cán bộ y tế xã cho thấy, việc chăm sóc thai nhi từ khi mang thai 3 tháng đầu cho đến khi sắp sinh hầu như không tuân thủ đầy đủ theo hướng dẫn của trạm y tế. Thực tế này bị chi phối bởi hai lý do chính là điều kiện kinh tế khó khăn và nhiều bà mẹ vị thành niên không có kiến thức về sức khỏe sinh sản. Vì vậy, nhiều trẻ sinh ra tại nhà và không được cân đo chiều cao, cân nặng nhằm có chế độ dinh dưỡng phù hợp. Nhóm trẻ có nguy cơ suy dinh dưỡng cao nhất thuộc nhóm dưới 2 tuổi, nhiều gia đình cha mẹ đi làm ăn xa để lại con cho ông bà ở nhà nuôi trong điều kiện kinh tế eo hẹp và không có kiến thức chăm sóc để trẻ đủ dinh dưỡng. Bên cạnh đó, khó khăn về giao thông khiến việc mua bán lương thực, thực phẩm khó khăn, qua đó ảnh hưởng đến chất lượng dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em. Trên địa bàn xã Co Tòng không có chợ. Chợ gần nhất nằm ở xã Bó Sinh, thuộc huyện Sông Mã, cách trung tâm xã Co Tòng 7km.

3. Thách thức trong giáo dục

Có thể phân loại các trở ngại trong giáo dục mà hiện nay trẻ em người Hmông ở Co Tòng vẫn đang phải đối diện thành hai dạng thức: khách quan và chủ quan. Những thách thức này ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh theo nhiều cách khác nhau.

Về mặt khách quan, nhiều học sinh không có không gian, điều kiện học tập, sinh hoạt phù hợp tại nhà cũng như tại trường học. Quan sát thực địa cho thấy hầu hết các em không có góc học tập riêng tại nhà. Mặc dù trường học đã được xây dựng kiên cố nhưng điều kiện ăn, ở của học sinh, đặc biệt là học sinh tiểu học còn hết sức khó khăn. Việc thiếu nước sinh hoạt nghiêm trọng khiến học sinh phải tắm tại các mớ nước tự nhiên cách trường 20 phút đi bộ. Nhà vệ sinh không sử dụng được do không có bóng điện, không có nước dẫn đến học sinh phải đi tiểu tiện, đại tiện ở trên đồi ven trường. Điều này không chỉ gây ô nhiễm môi trường mà còn tiềm ẩn rủi ro khi trời mưa bão hay về đêm. Tại Trường Tiểu học Co Tòng, cơ sở vật chất của nhà ở nội trú còn quá tạm bợ, cửa phòng ở của các em chưa được che chắn nên thường bị mưa gió hắt vào. Phòng ở chật chội, có phòng 4 em ngủ trên một chiếc giường 2 tầng. Điều đó khiến các em thiếu không gian riêng để học tập. Tình trạng ghép 2 lớp học đồng thời trong một phòng học vẫn diễn ra. Theo một số giáo viên, do điều kiện vệ sinh không đảm bảo, thiếu nước sạch, rất nhiều học sinh có chấy rận. Việc vệ sinh cơ thể không sạch sẽ của các em có thể nhận biết được một cách dễ dàng qua quan sát, cảm nhận. Điều này tiềm ẩn rủi ro dẫn đến dịch bệnh.

Bên cạnh điều kiện sinh hoạt, chất lượng bữa ăn của học sinh cũng chưa được đảm bảo. Theo kết quả phỏng vấn giáo viên tại xã, tổng chi phí mỗi bữa ăn cho 1 học sinh vào

khoảng 6.000 đồng¹. Mức ăn này quá thấp, nhất là khi trên địa bàn xã không có chợ, dẫn đến các loại thực phẩm hầu hết phải mua với giá cao do phải vận chuyển từ vùng thấp lên. Điều này góp phần lý giải vì sao tỷ lệ suy dinh dưỡng của học sinh tiểu học ở xã này cao hơn mức trung bình của cả nước nhiều lần. Thêm vào đó, nhiều học sinh cũng không đủ thể lực để hoàn thành các bài tập thể dục, điều này được cho là một phần do chất lượng bữa ăn không đảm bảo như nhận định của một giáo viên dạy môn thể dục. Nhiều giáo viên ở đây ý thức được điều này nhưng không có nguồn lực để hỗ trợ: *“Chúng tôi thương các con nhưng điều duy nhất có thể làm là kêu gọi cha mẹ học sinh ủng hộ rau quả theo mùa. Với mức tiền ấy thì không thể có một suất ăn đủ chất, chỉ có thể giúp các em ăn no chứ không thể ăn ngon. Cái ăn đã không đảm bảo thì học làm sao mà tốt được”*.

Theo phản ánh của một số phụ huynh học sinh, việc kiểm tra chất lượng thực phẩm phục vụ học sinh tại trường hầu như không được tiến hành ở xã Co Tòng. Những người được thuê nấu ăn hàng ngày là dân địa phương, chưa được qua bất kỳ lớp đào tạo nào về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thông tin này được xác nhận bởi cán bộ Trạm y tế xã. Do thiếu thiết bị kiểm định nên việc kiểm tra chất lượng thực phẩm tại bếp ăn của trường không thể tiến hành. Hơn nữa, tại bếp ăn không có tủ lạnh bảo quản thực phẩm. Điều đó dẫn đến có tình trạng không ít học sinh bỏ ăn vì thức ăn bị ôi thiu như một số giáo viên thừa nhận. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc một số phụ huynh học sinh, thậm chí cả học sinh không muốn đi học như ghi nhận từ các cuộc thảo luận nhóm.

Ngoài những thách thức trên, khoảng cách địa lý cũng là một trở ngại. Theo ước tính của cán bộ xã Co Tòng, thôn gần trường tiểu học và THCS nhất của xã lần lượt là 2,2km và 3,7km. Tuy nhiên, khoảng cách đến trường trung học phổ thông (THPT) vẫn tương đối xa: học sinh cần di chuyển trung bình 10,9km để đến trường. Tại xã Co Tòng, khoảng cách từ thôn xa nhất đến trường tiểu học là 12km và đến trường THPT là trên 60km; trẻ em ở nhiều thôn vùng xa trong xã phải đi học qua cầu tạm làm bằng tre, tiềm ẩn nhiều rủi ro tai nạn, nhất là trong mùa mưa bão.

Về mặt chủ quan, các yếu tố là trở lực cho việc học tập của trẻ em ở xã Co Tòng bao gồm: nghèo đói, sự thiếu quan tâm của cha mẹ, sự phân biệt đối xử từ giáo viên, năng lực tiếng Việt còn kém, tập quán kết hôn và sinh con sớm. Kết quả thảo luận nhóm với giáo viên cho thấy tỷ lệ nghèo cao ở người Hmông khiến cha mẹ không thực sự quan tâm tới việc đi học của con cái. Biểu hiện rõ nét nhất là tình trạng đi học muộn vẫn khá phổ biến ở Co Tòng và tình trạng này tương đồng với bức tranh chung ở nhiều DTTS. Kết quả điều tra 53 DTTS của Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê (2020) cho thấy tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp THCS

¹ Theo quy định của Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ, mỗi học sinh nội trú ở Co Tòng sẽ được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tiền ăn 720.000 đồng cho 9 tháng trong mỗi năm học. Tuy nhiên, mức tiền này bao gồm chi phí thuê người nấu, phục vụ, mua đồ dùng bếp, nguyên liệu nên số tiền thực tế mỗi bữa ăn của học sinh ở đây chỉ là 6.000 đồng/bữa.

và THPT của trẻ em DTTS lần lượt là 81,6% và 47,0%. Điều đó có nghĩa vẫn có gần 20% trẻ em không đi học đúng tuổi ở cấp THCS và 53% không đi học đúng tuổi ở cấp THPT. Trong năm học 2021-2022, ở Co Tòng cá biệt có 1 trường hợp học sinh người Hmông 14 tuổi mới đi học lớp 1 do di cư cùng cha mẹ đi xuất khẩu lao động ở Malaysia. Sau khi về nước và học xong lớp 1, em gái này bỏ học để lập gia đình trước khi kịp đọc thông viết thạo.

Nghèo đói và việc cha mẹ di cư lao động góp phần dẫn đến thực trạng bỏ học tăng mạnh ở cấp THCS bắt đầu từ lớp 8-9 ở Co Tòng. Kết quả thảo luận với cán bộ ngành giáo dục tại xã cho thấy nhìn chung, tỷ lệ bỏ học ở nhóm học sinh nam cao hơn nữ ở cấp THCS, trong khi lại thấp hơn ở cấp THPT. Tại đây, nhóm trẻ bỏ học thường đến từ gia đình người Hmông, hộ nghèo, thiếu lao động, xa trường học hoặc bố mẹ chỉ làm nương rẫy.

Bên cạnh đó, học sinh người Hmông cũng phải đối mặt với những thách thức liên quan đến định kiến xã hội. Một khảo sát ở tầm quốc gia đã cho thấy người DTTS nói chung phải chịu nhiều định kiến từ người Kinh khi họ thường bị đặt ở vị thế thấp hơn người Kinh (Phạm Quỳnh Phương và cộng sự, 2017). Không ít giáo viên cho rằng học sinh sớm muộn sẽ bỏ học để kết hôn, đi lao động sớm nên không quan tâm định hướng nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức cho học sinh người DTTS vì không tin các em có thể theo học các cấp cao hơn. Biểu hiện rõ nét của thái độ này một phần thể hiện qua việc cho lên lớp ngay cả khi các em không đủ điều kiện như một số giáo viên ở Co Tòng thừa nhận. Tình trạng phân biệt đối xử này có thể bị chi phối bởi khác biệt văn hóa giữa giáo viên và học sinh. Tại xã Co Tòng, nơi gần 100% trẻ em là người Hmông nhưng có đến 50% giáo viên mầm non và 90% giáo viên cấp tiểu học và THCS là người dân tộc Thái hoặc Kinh. Những giáo viên này không biết nói tiếng Hmông và không ít người có cái nhìn định kiến khi cho rằng học sinh người Hmông lười học, năng lực tiếp thu kém.

Theo Oxfam (2017), một nguyên nhân khác dẫn tới tình trạng bỏ học của học sinh DTTS là do hạn chế về khả năng sử dụng tiếng phổ thông. Kết quả phỏng vấn giáo viên và học sinh ở xã Co Tòng cũng chỉ ra việc chưa thành thạo tiếng Việt cũng là một trở ngại khiến trẻ em người Hmông khó theo kịp bài giảng của giáo viên, dẫn đến kết quả học tập thường thấp và tình trạng bỏ học phổ biến. Hầu hết trẻ em người Hmông ở đây không có đủ vốn tiếng Việt để vào học lớp 1 do việc dạy tiếng phổ thông cho nhóm trẻ từ 3 đến dưới 6 tuổi ở các lớp mầm non gặp nhiều khó khăn. Hầu hết giáo viên là người Kinh nên khó khăn trong việc dạy tiếng phổ thông cho các em người Hmông, hoặc nếu có dạy cũng chỉ được một số từ hạn chế. Điều đó khiến khi đi học lớp 1, đa số các học sinh này chưa thể viết hay đọc như những học sinh người Kinh khác. Các em học sinh DTTS như người Hmông lại thường nhút nhát, rụt rè, ít tiếp xúc với người khác dân tộc do hạn chế về ngôn ngữ. Từ rào cản bất đồng về ngôn ngữ dẫn đến việc các em không hòa nhập vào chung không khí lớp học.

Tình trạng tảo hôn vẫn khá phổ biến ở người Hmông là nguyên nhân chính dẫn đến việc bỏ học sớm. Tại xã Co Tòng, hiện tượng trẻ em người Hmông có chồng/vợ ở tuổi vị thành niên khá cao. Theo ước tính của chính quyền xã, tỷ lệ trẻ em nữ người Hmông ở đây kết hôn trước 18 tuổi khoảng 65%. Nhiều trường hợp kết hôn ngay sau khi học xong THCS. Thói quen này bị ảnh hưởng bởi tập quán văn hóa và thiết chế xã hội. Người Hmông theo chế độ gia đình phụ quyền, đàn ông đến tuổi trưởng thành cần kết hôn sớm để tách hộ, chia đất và thực hiện vai trò, chức năng của một gia đình mới, thực hiện nghĩa vụ nam quyền. Nữ giới đến tuổi lấy chồng, cha mẹ cũng muốn cưới gả sớm. Phỏng vấn chị Giảng Thị D., 35 tuổi, Chủ tịch Hội phụ nữ xã Co Tòng cho biết: *“Quá trình theo dõi thấy học sinh nữ học đến cấp 2 phần lớn là bỏ học ở nhà để phụ giúp gia đình, hoặc đợi để lấy chồng. Các cháu cho rằng học không để làm gì vì chi phí cấp 3 sẽ tốn kém và nhà mất lao động. Nếu gả sang nhà người khác sẽ bớt đi gánh nặng. Một số cháu yêu sớm và mong muốn được kết hôn sớm”*. Ngoài ra, còn có nguyên nhân khiến số ca tảo hôn có xu hướng tăng do hiện nay thanh niên nam nữ có thể làm quen và hẹn hò thông qua mạng xã hội.

4. Thách thức trong bảo trợ xã hội

Trẻ em người Hmông tại xã Co Tòng rất hạn chế trong việc tiếp cận với thông tin. Khi tiến hành khảo sát và thảo luận với học sinh lớp 9 người Hmông ở xã cho thấy 100% học sinh không thể kể ra một biểu tượng hay địa điểm nổi tiếng đại diện cho Hà Nội. Hầu hết trẻ không có không gian hoặc điều kiện để vui chơi ở cả trường học và thôn, bản, điều đó khiến trẻ càng lệ thuộc nhiều hơn vào điện thoại và dễ đối mặt với những tác động tiêu cực từ mạng Internet. Hiện tượng tự tử ở trẻ em người Hmông tại địa bàn được ghi nhận và nhiều giáo viên, cán bộ xã cho rằng có liên quan đến việc sử dụng Internet quá nhiều và không bị kiểm soát. Một số trường hợp trẻ em chỉ vì không được cha mẹ đáp ứng nhu cầu (mua xe máy, điện thoại, bỏ học để lập gia đình vì đã có bạn trai/bạn gái) đã ăn lá ngón để tự tử. Tình trạng lạm dụng điện thoại thông minh, truy cập vào các trang Web không lành mạnh càng khó kiểm soát với nhóm trẻ em có bố mẹ đi làm ăn xa, đặc biệt ở nhóm học sinh THCS.

Trẻ em thiếu vắng sự chăm sóc của cha mẹ từ sớm cũng là một trở ngại lớn. Thống kê trong toàn tỉnh Sơn La, số lao động địa phương ra tỉnh ngoài làm thuê là hơn 110.000 người. Tại huyện Thuận Châu, có hơn 21.000 lao động ra ngoài tỉnh làm thuê, đa số là lao động nông nghiệp trước khi di cư, tay nghề thấp, chỉ làm được những công việc giản đơn nên thu nhập không cao (Thu Thùy, 2021). Tại xã Co Tòng, tính đến thời điểm ngày 13/4/2023, tức sau dịch COVID-19 được kiểm soát, số lượng các cặp vợ chồng trẻ rời bỏ quê hương đi đến các khu công nghiệp, các thành phố lớn để tìm kiếm việc làm ngày càng đông, kéo theo số trẻ có bố mẹ đi làm ăn xa ngày càng nhiều. Trẻ em ở nhà với ông bà nên việc chăm sóc và giáo dục cho các em không được chu đáo.

Bảng 1: Số liệu người đi lao động làm việc ngoài tỉnh

Thôn bản	Số lượng đi lao động	Địa phương đến làm việc		Số lượng nam	Số lượng nữ	Tuổi lớn nhất	Tuổi nhỏ nhất
Co Nhừ	22	Bắc Giang	13	168	68	63	18
Pá Hốc	11	Quảng Ninh	5				
Co Cài	8	Hà Nội	12				
Pá Cháo A	8	Vân Hồ - Sơn La	2				
Thảm Sét	63	Bắc Ninh	1				
Pá Cháo B	13	Hưng Yên	1				
Co Tòng	30	Phú Thọ	8				
Há Khúa	33	Hải Dương	1				
Tổng 186		Quảng Ninh	3				
		Không rõ	140				

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Co Tòng (tháng 3/2023)

Tính đến cuối năm 2023, xã Co Tòng có 186 người Hmông trong số đó có nhiều người là các cặp vợ chồng hoặc cha mẹ của trẻ em đã di cư lao động tại các tỉnh như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương. Công việc của họ chủ yếu là lao động phổ thông như lắp ráp đồ điện tử, đồ gia dụng, may mặc, phụ hồ, khai thác than... Nhóm cha mẹ này để lại gánh nặng chăm sóc trẻ em cho người già là ông bà nội, ngoại của những đứa trẻ. Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn ông Vừ Sớ T., 65 tuổi, người Hmông ở bản Há Khúa, xã Co Tòng. Ông Vừ Sớ T. có 5 người con, người con trai cả sinh sống cùng ông hiện nay, người con trai thứ 2 là Vừ A Th. và con dâu cùng nhau đi làm ăn xa từ tháng 12/2022 tại Bắc Giang, chuyên lắp đồ điện tử. Ông nội Vừ Sớ T. phải nuôi 2 đứa trẻ mà người con trai đi làm ăn xa gửi là Vừ A D., 10 tuổi đang học lớp 5 tại Trường Tiểu học Co Tòng, một cháu 3 tuổi đang học mẫu giáo tại điểm mầm non ở bản. Còn một em nhỏ mới được hơn 1 tuổi đã được ông bà ngoại đón về quê ở huyện Sốp Cộp, cách Co Tòng khoảng 100km. Ông Vừ Sớ T. hiện nay chỉ chăn trâu thuê cho gia đình khác. Trước đây nhà ông nuôi 3 con trâu, 2 con của gia đình, 1 con nuôi thuê. Năm 2022, gia đình khó khăn nên ông đã bán một con trâu nhỏ được 5 triệu đồng để mua gạo và thức ăn. Ông cho biết thỉnh thoảng có nhận được tiền chuyển khoản, thịt, trứng và gạo do con đang làm ở Bắc Giang gửi về, tuy nhiên không thường xuyên nên gia đình luôn rơi vào tình trạng thiếu đói.

Việc chăm sóc hai đứa trẻ hoàn toàn dựa vào trường học. Hàng ngày ông đưa cháu nhỏ đến trường mẫu giáo và buổi chiều đón về, còn Vừa A D. đã 10 tuổi nên chiều Chủ nhật tự đi bộ đến trường tiểu học (cách 10km) và trở về nhà vào chiều thứ 6. Ông bà nội không biết cháu học gì, học như thế nào. Gia đình cũng phó mặc cho nhà trường chăm sóc và dạy cháu những ngày học trong tuần. Ông cũng bày tỏ mong muốn có chiếc xe máy để đưa cháu đi học, vì đường đi học quá xa và nguy hiểm cho trẻ nhỏ.

Với trường hợp em Mùa Thị L., học sinh lớp 9, hoàn cảnh gia đình bố mẹ ly hôn, mẹ đi làm xa và bố không ở chung. Hiện tại em ở với ông bà ngoại đã gần 60 tuổi, em gái (12 tuổi, lớp 6), anh họ (13 tuổi, con của bác ruột, bác cũng đã ly hôn và đi lấy vợ mới, đưa con về sống với ông bà). Ông bà ngoại làm nương và hái cà phê, kinh tế gia đình thuộc loại hộ trung bình trong bản. Sau khi bố mẹ ly hôn, bố em có thể hiện sự quan tâm qua việc thăm hỏi và thỉnh thoảng gửi tiền trợ cấp, nhưng em không thường xuyên gặp vì ông bà ngoại không cho phép. Mẹ em là người chịu trách nhiệm chính về kinh tế trong gia đình, đi làm ăn ở Hà Nội và Bắc Giang, chỉ có dịp Tết hoặc khi có việc mới về thăm nhà. Ngoài giờ học, em phụ giúp ông bà công việc nhà và hái cà phê, thỉnh thoảng đi làm nương. Kết quả học tập của em ở mức trung bình, giống các bạn trong lớp. Điều thiết tha nhất là cả hai chị em đều thiếu thốn tình cảm của bố và mẹ. Việc học hành dường như không có sự quan tâm của gia đình vì ông bà, bố mẹ đều không biết tình trạng học tập của các em. Nguyên vọng của em muốn dừng việc học vào lớp 9 và sẽ đi tìm một công việc để làm.

Có thể thấy trên đây là hai trường hợp rất điển hình cho những phụ huynh người Hmông để lại con cái cho ông bà ở nhà để đi làm ăn xa. Một số trẻ em thiếu sự chăm sóc của cha mẹ, nên tất cả việc ăn uống, học tập và bảo vệ chăm sóc đều phó thác cho nhà trường, kéo theo những hệ lụy về sức khỏe, tâm lý, tình cảm. Bên cạnh đó, tại xã Co Tòng còn có 7 trường hợp trẻ em là trẻ mồ côi, phần lớn thuộc hộ nghèo và cận nghèo. Mặc dù hội Phụ nữ xã có quan tâm đến trẻ mồ côi, nhưng mỗi năm số tiền hỗ trợ rất eo hẹp, chỉ đủ dành cho một em.

Thay lời kết: một số đề xuất kiến nghị

Xã Co Tòng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La có địa hình khó khăn hiểm trở. Trẻ em Hmông tại địa bàn nghiên cứu vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong điều kiện sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe, giáo dục hay các hoạt động vui chơi giải trí, các hoạt động bảo trợ xã hội. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này đưa ra một số đề xuất kiến nghị với mong muốn hướng tới sự phát triển toàn diện cho trẻ em người Hmông ở địa bàn nghiên cứu như sau:

- Cần xây dựng chiến lược truyền thông và can thiệp nhằm tăng cường việc khám thai, tiêm chủng định kỳ, duy trì chế độ dinh dưỡng hợp lý cho các bà mẹ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi. Phát triển nhân lực và cơ sở vật chất cho y tế thôn bản. Hoạt động truyền thông và can thiệp cần thông qua cán bộ y tế thôn bản, người có uy tín trong cộng đồng. Xây dựng sổ theo dõi tình trạng tiêm chủng, sức khỏe cho những nhóm phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi

theo từng thôn/bản/cụm dân cư (thông qua cán bộ y tế thôn bản) để xây dựng kế hoạch khám, tiêm chủng đúng thời hạn. Xây dựng kế hoạch truyền thông định kỳ nhằm tăng cường kiến thức về sức khỏe sinh sản, quan hệ tình dục an toàn cho học sinh từ cấp THCS thông qua đội ngũ cán bộ y tế xã. Tăng cường tập huấn kiến thức về đảm bảo dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm cho những người nấu ăn tại các trường dân tộc nội trú; những người bảo hộ trẻ em ở các gia đình có cả bố và mẹ di cư lao động ở vùng đặc biệt khó khăn.

- Đầu tư hệ thống nước sạch về các thôn bản và đặc biệt đến các trường học. Đồng thời xây bể lắng, bể lọc trước khi đưa nước vào sinh hoạt.

- Cần tổ chức tuyên truyền cho bà mẹ mang thai thực hiện việc: khám thai, chăm sóc bào thai; chăm sóc trẻ em, tổ chức ăn cho trẻ theo các lớp mẫu giáo, tiểu học, cung cấp thức ăn cho bà mẹ khi mang thai.

- Hỗ trợ thiết bị dạy và học tại các điểm trường mầm non, tiểu học tại thôn bản nhằm đảm bảo nhóm học sinh ở đây có đủ điều kiện học tập như ở các điểm trường chính. Xây dựng chiến lược hỗ trợ cải thiện cơ hội tiếp cận thông tin cho học sinh vùng đặc biệt khó khăn qua việc hỗ trợ cải thiện đường truyền internet, phòng máy tính phục vụ học tập, sách tham khảo, tài liệu, thiết bị phục vụ học tập cho thư viện trường. Nâng cao kỹ năng đọc hiểu và viết tiếng Việt, góp phần giúp học sinh người Hmông học tập tốt hơn, hiểu rõ hơn kiến thức pháp luật, kỹ năng bảo vệ trước các rủi ro. Xây dựng kế hoạch theo dõi, đánh giá chất lượng học tập của các nhóm học sinh theo từng năm thông qua việc thiết lập cơ sở dữ liệu liên quan đến việc đi học, kết quả học tập theo từng môn để nhận diện điểm yếu của từng nhóm nhằm có kế hoạch hỗ trợ kịp thời.

- Hỗ trợ kiến tạo không gian vui chơi cho trẻ em vùng đặc biệt khó khăn thông qua việc hỗ trợ xây dựng sân chơi vệ sinh, an toàn cho trẻ ở các trường mầm non và tại thôn bản theo nguyên tắc đồng chia sẻ (chính quyền hỗ trợ không gian, người dân bỏ công lao động, các tổ chức quốc tế hỗ trợ vật liệu, thiết bị).

Việc di cư của cha mẹ vùng DTTS cần được nhận nhiều sự quan tâm hơn từ các chương trình phát triển của Chính phủ vì di cư ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện thu nhập và sinh kế của địa phương cải thiện đời sống gia đình. Điều quan trọng hiện nay là phải có các kênh thông tin thuận tiện và đặc biệt để cha mẹ có sự liên hệ thường xuyên với ông bà và con cái của mình trong khi họ di cư lao động xa quê.

Nhà nước cũng cần có các chính sách cho vay tiêu dùng đối với các gia đình di cư khi con cái ở lại quê nhà do ông bà nuôi dạy, đồng thời có biện pháp hỗ trợ người già trên 60 tuổi vẫn phải nuôi trẻ nhỏ khi cha mẹ của trẻ không ở nhà. Cần xây dựng các quỹ hảo tâm, các quỹ mạnh thường quân để có nguồn kinh phí dồi dào duy trì việc chăm sóc sức khỏe vật chất và tinh thần cho những trẻ đặc biệt khó khăn.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Quỳnh Phương, Đỗ Quỳnh Anh, Hoàng Ngọc An, Phạm Thanh Trà, Mai Thanh Tú (2017), *Kết hôn trẻ em ở một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam: một phân tích từ góc nhìn nhân học*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
2. Oxfam (2017), *Báo cáo nghiên cứu chính sách thu hẹp khoảng cách cùng giảm bất bình đẳng ở Việt Nam*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.
3. Thu Thùy (2021), *Son La giải bài toán việc làm cho hàng chục ngàn lao động từ tỉnh ngoài trở về ra sao?*, trên trang: <https://vov.vn/xa-hoi/son-la-giai-bai-toan-viec-lam-cho-hang-chuc-ngan-lao-dong-tu-tinh-ngoai-tro-ve-ra-sao-899724.vov> (Truy cập ngày 25/11/2024).
4. Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
5. Ủy ban nhân dân huyện Thuận Châu (2021), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác chăm sóc trẻ em 2021, kế hoạch 2022*.
6. Ủy ban nhân dân huyện Thuận Châu (2023), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh năm 2024*.
7. Ủy ban nhân dân xã Co Tòng (2023), *Báo cáo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh năm 2022, phương hướng nhiệm vụ, giải pháp, phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh năm 2023*.
8. World Bank (2019), *Báo cáo nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của dân tộc thiểu số tại Việt Nam*.